

Bản án số: 12/2020/DS - ST
Ngày: 04 - 9- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thân Văn Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Vi Đức Thứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST- DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K– Sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q- Sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã M, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Trọng C – Sinh năm 1957 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Bùi Thị S - Sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã M, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ktrình bày:

Bà và vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Bùi Thị Scó mối quan hệ quen biết nhau từ lâu vì cùng thôn, xã với nhau và có liên quan về mặt họ hàng. Trước đây anh Q chị cũng đã vay tiền của bà do bà làm tổ trưởng tổ vay vốn của thôn. Ngày 30/8/2016, giữa bà và anh Q, chị Scó viết với nhau giấy vay tiền cụ thể anh Q chị Svay bà số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng nông nghiệp, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Tiếp đến, ngày 02/9/2016, anh Q có vay tiếp bà 20.000.000 đồng, trong giấy vay này anh Q hẹn thời hạn vay 10 ngày thì trả, không thỏa thuận gì về lãi suất. Khi vay chỉ có mình anh Q viết giấy vay tiền, chị Skhông biết. Thực tế số tiền vay 20.000.000 đồng này là do anh Q đề nghị bà đi chuộc xe hộ anh Q để anh Q về bán xe trả cho bà tiền của khoản vay ngày 30/8/2016 nhưng sau đó thì anh Q không trả bà. Bà xác định cả 2 khoản tiền trên bà chưa được anh Q thanh toán trả bà đồng tiền lãi nào từ khi vay đến nay. Bà đã nhiều lần đòi nhưng anh Q chỉ Skhông trả và hiện nay còn không có mặt ở địa phương. Bà xác định số tiền bà cho anh Q chị Svay là tiền của vợ chồng bà.

Nay đối với giấy vay tiền ngày 30/8/2016, bà yêu cầu anh Q chị Sphải trả vợ chồng bà số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước.

Đối với giấy vay ngày 02/9/2016, bà yêu cầu anh Q có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà không yêu cầu chị Scó trách nhiệm thanh toán khoản tiền này vì thực tế chị Skhông biết khoản vay này.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại địa phương. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để anh Q biết và thực hiện quyền,, nghĩa vụ của mình nhưng anh Q vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh Q cũng như không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Trọng Ctrình bày: Ông và gia đình anh Q có mối quan hệ họ hàng với nhau nhưng không phải là ruột thịt. Việc bà vợ ông cho vợ chồng anh Q chị Svay tiền thế nào ban đầu ông không biết cho đến khi anh Q không trả được nợ thì ông mới biết. Đến nay, ông chỉ biết số tiền anh Q chị Svay là gần 300.000.000 đồng còn cụ thể chính xác thì ông không biết vì ông không cho vay. Ông xác định số tiền bà K cho anh Q chị Svay là tiền của vợ chồng ông nên ông yêu cầu anh Q chị Sphải có trách nhiệm trả ông bà số tiền đã vay. Vì lý do công việc đột xuất, ông không tham gia phiên tòa được nên ông xin được xét xử vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Sướng mặt tại địa phương. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để chị Sướng và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng chị Sướng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai của chị Sướng như không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

Tại phiên tòa, bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Cụ thể đối với giấy vay tiền ngày 30/8/2016, bà yêu cầu anh Q chị Sướng trả vợ chồng bà số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước.

Đối với giấy vay ngày 02/9/2016, bà yêu cầu anh Q có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà không yêu cầu chị Sướng có trách nhiệm thanh toán khoản tiền này vì thực tế chị Sướng không biết khoản vay này.

Đối với lãi suất chậm trả bà không yêu cầu đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn anh Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Sướng chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, Điều 72, Điều 73 BLTTDS do được triệu tập nhưng vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải là vi phạm khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn có mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cường xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định tại Điều 234 BLTTDS; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Sướng có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập, như vậy là ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Về ý kiến giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 điều 26, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân Sự năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị K.

+ Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Bùi Thị S có trách nhiệm thanh toán trả bà Nguyễn Thị K và ông Vũ Trọng C số tiền gốc là 250.000.000 đồng và số tiền lãi 90.312.500 đồng.

+ Buộc anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm thanh toán trả bà Nguyễn Thị K và ông Vũ Trọng C số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Án phí: Anh Nguyễn Văn Q và chị Bùi Thị S phải liên đới chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị K đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện hợp đồng dân sự theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự 2015 là 03 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết Q và lợi ích hợp pháp của mình pháp bị xâm phạm. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 149 BLTTDS 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên. Ở đây, bà K không yêu cầu áp dụng về thời hiệu, anh Q chị S không có mặt tại địa phương, không có lời khai nên trong trường hợp này không áp dụng về thời hiệu khởi kiện.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Bà K khởi kiện yêu cầu anh Q và chị S phải thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc theo giấy vay tiền ngày 30/8/2016 là 250.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước, yêu cầu anh Q thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc 20.000.000 đồng theo giấy vay ngày 02/9/2016. Do vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị S có địa chỉ tại thôn R, xã M, huyện Việt Yên nên theo quy định tại khoản 2 điều 26, điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Tòa án đã tiến hành niêm yết, triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Q và chị S nhưng anh Q và chị S không có mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do và Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh Q, chị S là có căn cứ.

[4] Về pháp luật áp dụng và nội dung tranh chấp:

[4.1] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu anh Nguyễn Văn Q và chị Bùi Thị S thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi suất theo giấy vay tiền ngày 30/8/2016 và yêu cầu anh Nguyễn Văn Q thanh toán

trả vợ chồng bà 20.000.000 đồng tiền theo giấy vay tiền ngày 02/9/2016. Do thời điểm xác lập hợp đồng năm 2016, vì vậy luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án này là Bộ luật dân sự 2005.

[4.2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K xác định ngày 30/8/2016 dương lịch, bà có cho anh Q, chị S vay số tiền 250.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận và không hẹn thời gian trả, thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Ngày 02/9/2016, bà cho anh Q vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày và không thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay nhưng thỏa thuận miêng theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng. Bà đã đòi nhiều lần nhưng anh Q chị S không trả. Đến nay, bà yêu cầu anh Q chị S phải thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc theo giấy vay tiền ngày 30/8/2016 là 250.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước kể từ thời điểm vay cho đến khi xét xử sơ thẩm, yêu cầu anh Q thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc 20.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 02/9/2016.

Anh Q và chị S đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng anh Q và chị S không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trong hồ sơ, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà K, Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Việc anh Q, chị S vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 72 BLTTDS. Bà K cũng đã cung cấp được bản gốc giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/8/2016 và bản gốc giấy biên nhận vay tiền ngày 02/9/2016 nên yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán:

-Đối với giấy vay tiền ngày 30/8/2016, bà K yêu cầu anh Q chị S có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước kể từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm. HĐXX xét thấy: Trong giấy vay tiền này, anh Q và chị S cùng ký dưới mục “người vay” do vậy, anh Q và chị S phải có trách nhiệm thanh toán trả bà K và ông Cường số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 30/8/2016 là có căn cứ chấp nhận.

-Đối với giấy vay tiền ngày 02/9/2016, bà K yêu cầu anh Q có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc là 20.000.000 đồng. HĐXX xét thấy: Trong giấy vay tiền này, chị S không ký giấy vay và bà K cũng không yêu cầu chị S phải có trách nhiệm thanh toán nên cần buộc anh Q có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng bà K số tiền theo giấy vay tiền ngày 02/9/2016 là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về tiền lãi và lãi chậm trả: Do 2 giấy biên nhận tiền đều xác lập tại thời điểm năm 2016 nên luật nội dung để áp dụng giải quyết là BLDS 2005.

-Đối với giấy vay tiền ngày 30/8/2016, bà K yêu cầu anh Q chị S có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất cơ

bản của Ngân hàng Nhà nước kể từ thời điểm vay ngày 30/8/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Anh Q chị S đã được niêm yết triệu tập hợp lệ nhưng không có lời khai, không giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của bà K nên yêu cầu tính lãi của bà K là có căn cứ chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 thì mức lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng và theo quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự việc tính lãi quá hạn được tính bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ. Do vậy, số tiền lãi vay trong hạn theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất Việt Nam đồng là 0,9%/năm tức 0,75%/tháng. Bà K yêu cầu anh Q chị S thanh toán cho ông bà số tiền lãi kể từ thời điểm tháng 30/8/2016 theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tới thời điểm xét xử nên cụ thể lãi suất bà K yêu cầu anh Q chị S phải thanh toán trả ông bà được tính như sau:

Từ ngày 30/8/2016 đến ngày 30/8/2020 là $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 48 \text{ tháng} = 90.000.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 31/8/2020 đến ngày 04/9/2020 là $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\%/\text{ngày} \times 5 \text{ ngày} = 312.500 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và lãi theo giấy vay ngày 30/8/2016 là 340.312.500 đồng.

- Đối với giấy vay tiền ngày 02/9/2016, bà K yêu cầu anh Q có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

Về lãi suất chậm trả: Bà K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[7] Về án phí: Anh Q chị S phải chịu án phí DSST theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà K không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại CQ thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 điều 26, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị K.
- + Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Bùi Thị S có trách nhiệm thanh toán trả bà Nguyễn Thị K và ông Vũ Trọng C tổng số tiền gốc và lãi theo giấy vay tiền ngày 30/8/2016 là 340.312.500 đồng.
- + Buộc anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm thanh toán trả bà Nguyễn Thị K và ông Vũ Trọng C số tiền gốc 20.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 02/9/2016.
- Về án phí:
 - + Anh Nguyễn Văn Q và chị Bùi Thị S phải liên đới chịu 17.014.000 đồng án phí DSST cụ thể anh Q và chị S mỗi người phải chịu 8.507.000 đồng án phí DSST.
 - + Anh Q phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí DSST.
 - + Hoàn trả bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí 7.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001142 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi liên quan vắng mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Việt Yên;
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên

